

**PHỤ LỤC**  
**Danh sách giáo viên mầm non đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2026**  
*(Kèm theo Thông báo số: 01/TB-HDXTH ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng xét thăng hạng viên chức xã Pu Sam Cáp)*

| TT | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                 |                                                |                       | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                        | Được miễn |           | Ngoại ngữ đăng ký xét | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |                  |                     |     |    |                                 |                              |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                    | Trình độ tin học                               | Trình độ ngoại ngữ    |                                                                                                                                                                                             | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| -1 | -2               | -3                  | -4  | -5 | -6                              | -7                           | -8                                                                                    | -9                   | -10                                  | -11                                              | -12                        | -13                                             | -14                                            | -15                   | -16                                                                                                                                                                                         | -17       | -18       | -19                   | -20     |
| 1  | Lê Thị Năm       | 02/9/1983           |     | x  | Hiệu trưởng                     | Trường MN Noong Héo          | 19 năm 6 tháng                                                                        | 3,96                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          | Trung cấp                  | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản            | Tiếng anh: TOEF LIPT  | Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 26/05/2025 của chủ tịch UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ (đợt 1) năm 2025 . |           |           |                       |         |
| 2  | Trần Thị Ngân    | 03-09-1982          |     | x  | Phó Hiệu trưởng                 | Trường MN Noong Héo          | 18 năm 8 tháng                                                                        | 3,96                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          | Trung cấp                  | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng II  | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản            | Tiếng anh: TOEF LIPT  | Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 26/05/2025 của chủ tịch UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ (đợt 1) năm 2025 . |           |           |                       |         |
| 3  | Hà Thị Thiêt     | 20/5/1987           |     | x  | Phó Hiệu trưởng                 | Trường MN Noong Héo          | 17 năm 8 tháng                                                                        | 3,65                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          | Trung cấp                  | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản            | Tiếng anh trình độ A2 |                                                                                                                                                                                             |           |           |                       |         |
| 4  | Vũ Thị Liệu      | 10-10-1987          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Noong Héo          | 18 năm 8 tháng                                                                        | 3,96                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          |                            |                                                 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản            | Tiếng anh trình độ B  | Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 26/05/2025 của chủ tịch UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ (đợt 1) năm 2025 . |           |           |                       |         |
| 5  | Phương Thị Nhung | 26/11/1981          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Noong Héo          | 19 năm 1 tháng                                                                        | 3,96                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          |                            |                                                 | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản            | Tiếng anh trình độ B  | Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 26/05/2025 của chủ tịch UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ (đợt 1) năm 2025 . |           |           |                       |         |
| 6  | Hà Thị Kiều Diễm | 08-06-1988          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Noong Héo          | 16 năm 5 tháng                                                                        | 3,65                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trình độ B | Tiếng anh: TOEF LIPT  | Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 26/05/2025 của chủ tịch UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ (đợt 1) năm 2025 . |           |           |                       |         |

| TT | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                         | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                                           |                                                     |                      | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Được miễn |           | Ngoại ngữ đăng ký xét | Ghi chú |
|----|---------------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |                     |                     |     |    |                                 |                              |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh lý nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                                              | Trình độ tin học                                    | Trình độ ngoại ngữ   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| 7  | Ma Thị Kim Xuyên    | 23/5/1992           |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Noong Héo          | 11 năm 9 tháng                                                                        | 3,03                 | V.07.02.26                              | Đại học                                          |                            | Đại học quản lý giáo dục; Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản                 | Tiếng anh: TOEF LIPT |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |           |                       |         |
| 8  | Bùi Thị Khoén       | 05-06-1986          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Noong Héo          | 13 năm 8 tháng                                                                        | 3,34                 | V.07.02.26                              | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III                           | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản                 | Tiếng anh: TOEF LIPT |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |           |                       |         |
| 9  | Nguyễn Thị Tinh     | 20/01/1990          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Noong Héo          | 15 năm 9 tháng                                                                        | 3,34                 | V.07.02.26                              | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III                           | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản                 | Tiếng anh: TOEF LIPT | QĐ số 348/QĐ- UBND ngày 24/5/2021 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ ( đợt 1) năm 2021. Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 25/05/2026 của chủ tịch UBND xã Pu Sam Cấp về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn xã năm 2026. |           |           |                       |         |
| 10 | Nguyễn Thị Thuý     | 07-06-1988          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Noong Héo          | 15 năm 4 tháng                                                                        | 3,65                 | V.07.02.26                              | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III                           | Tin học văn phòng - TT Tin học Ngoại ngữ In com     | Tiếng anh: TOEF LIPT |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |           |                       |         |
| 11 | Quàng Thị Ung       | 09-10-1993          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Noong Héo          | 11 năm 9 tháng                                                                        | 3,03                 | V.07.02.26                              | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III                           | Tin học ứng dụng trình độ B - Trường CDSP Điện Biên | Tiếng Anh trình độ B |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |           |                       |         |
| 12 | Tân Thị Phảng       | 22/8/1998           |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Noong Héo          | 9 năm 9 tháng                                                                         | 2,72                 | V.07.02.26                              | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III                           | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản                 | Tiếng Anh trình độ A |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |           |                       |         |
| 13 | Nguyễn Thị Kim Ngọc | 17/02/1986          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Noong Héo          | 18 năm 8 tháng                                                                        | 3,65                 | V.07.02.26                              | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III                           | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản                 | Tiếng anh: TOEF LIPT |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |           |                       |         |
| 14 | Lò Thị Né           | 20/10/1991          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Noong Héo          | 11 năm 9 tháng                                                                        | 3,03                 | V.07.02.26                              | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III                           |                                                     | Tiếng anh: TOEF LIPT |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |           |                       |         |

| TT | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                 |                                     |                       | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Được miễn |           | Ngoại ngữ đăng ký xét | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |                  |                     |     |    |                                 |                              |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                    | Trình độ tin học                    | Trình độ ngoại ngữ    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| 15 | Vũ Thị Hồng Thắm | 18/9/1979           |     | x  | Phó Hiệu trưởng                 | Trường MN Pa Khoá            | 11 năm 8 tháng                                                                        | 3,96                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          | Trung cấp                  | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN          | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ A2 | Quyết định số: 790/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Sin Hồ về việc được Hội đồng Khoa học cấp huyện Sin Hồ công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng. Quyết định số: 639/QĐ- UBND ngày 26 tháng 5 năm 2025 của UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến                                             |           |           |                       |         |
| 16 | Nguyễn Thị Thuý  | 30/10/1986          |     | x  | Phó Hiệu trưởng                 | Trường MN Pa Khoá            | 13 năm 6 tháng                                                                        | 3,96                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          | Trung cấp                  | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ A2 | Quyết định số: 790/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Sin Hồ về việc được Hội đồng Khoa học cấp huyện Sin Hồ công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng. Quyết định số: 639/QĐ- UBND ngày 26 tháng 5 năm 2025 của UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến                                             |           |           |                       |         |
| 17 | Lô Thị Huệ       | 18/02/1992          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Pa Khoá            | 9 năm 10 tháng                                                                        | 3,03                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng II  | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng anh: TOEF LIPT  | Quyết định số: 790/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Sin Hồ về việc được Hội đồng Khoa học cấp huyện Sin Hồ công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng. Quyết định số: 639/QĐ- UBND ngày 26 tháng 5 năm 2025 của UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến                                             |           |           |                       |         |
| 18 | Đặng Thị Hải     | 04-05-1983          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Pa Khoá            | 15 năm 4 tháng                                                                        | 4,27                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng anh: TOEF LIPT  | Quyết định số: 790/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Sin Hồ về việc được Hội đồng Khoa học cấp huyện Sin Hồ công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng                                                                                                                                                                                               |           |           |                       |         |
| 19 | Trần Thị Hạnh    | 17/01/1983          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Pa Khoá            | 14 năm 1 tháng                                                                        | 3,65                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng II  | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng anh: TOEF LIPT  | Quyết định số: 790/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Sin Hồ về việc được Hội đồng Khoa học cấp huyện Sin Hồ công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng. Quyết định số: 639/QĐ- UBND ngày 26 tháng 5 năm 2025 của UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ (đợt 1) năm 2025. |           |           |                       |         |
| 20 | Tòng Thị Trinh   | 17/9/1994           |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Pa Khoá            | 4 năm 1 tháng                                                                         | 3,03                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ A2 | Quyết định số: 1148/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến                                                                                                                                                                                                                |           |           |                       |         |

| TT | Họ và tên     | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                      |                                     |                                 | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Được miễn |           | Ngoại ngữ đăng ký xét | Ghi chú |
|----|---------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |               |                     |     |    |                                 |                              |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                         | Trình độ tin học                    | Trình độ ngoại ngữ              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| 21 | Tần Thị Nhân  | 15/3/1996           |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Pa Khoá            | 4 năm 4 tháng                                                                         | 3,03                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III      | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng anh: TOEF LIPT            | Quyết định số: 1148/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến. QĐ số 211/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 của UBND Xã Pu Sam cấp Về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp cơ sở năm 2026                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |           |                       |         |
| 22 | Bùi Thị Thìn  | 13/4/1971           |     | x  | Hiệu trưởng                     | Trường MN Pu Sam Cấp         | 20 năm 3 tháng                                                                        | 3,96                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          | Trung cấp                  | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III      | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng anh trình độ A2 TOEF LIPT | Sáng kiến kinh nghiệm: "Một số biện pháp đổi mới nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo của người hiệu trưởng trường mầm non Pu Sam Cấp" được công nhận tại quyết định 1148/ QĐ-UBND ngày 26/5/2022 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ, đợt 01 năm 2022. Sáng kiến kinh nghiệm:"Một số biện pháp nâng cao chất lượng xã hội hóa giáo dục trong trường mầm non Pu Sam Cấp" được công nhận tại quyết định 639/ QĐ-UBND ngày 26/5/2025 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ đợt 01 năm 2025.                                                                                                                                                                                  |           |           |                       |         |
| 23 | Phạm Thị Thắm | 12-06-1981          |     | x  | Phó Hiệu trưởng                 | Trường MN Pu Sam Cấp         | 20 năm 3 tháng                                                                        | 4,27                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          | Trung cấp                  | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III + II | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng anh trình độ A2 TOEF LIPT | - Sáng kiến kinh nghiệm: "Một số biện pháp nâng cao chất lượng xã hội hóa giáo dục trong trường mầm non Pu Sam Cấp" được công nhận tại quyết định 604/ QĐ-UBND ngày 21/7/2020 công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng SKKN cấp cơ sở.<br>- Sáng kiến kinh nghiệm:"Một số biện pháp nâng cao chất lượng xã hội hóa giáo dục trong trường mầm non Pu Sam Cấp" được công nhận tại quyết định 639/ QĐ-UBND ngày 26/5/2025 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ đợt 01 năm 2025.<br>- Sáng kiến "Một số giải pháp chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục xanh – sạch – đẹp – an toàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương tại trường mầm non Pu Sam Cấp" được công nhận tại quyết định số 211/QĐ-UBND Pu Sam Cấp ngày 25/5/2026 |           |           |                       |         |

| TT | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                         | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                      |                                     |                              | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Được miễn |           | Ngoại ngữ đang ký xét | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |                    |                     |     |    |                                 |                              |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh lý nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                         | Trình độ tin học                    | Trình độ ngoại ngữ           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| 24 | Dương Văn Diễn     | 06-02-1988          | x   |    | Phó Hiệu trưởng                 | Trường MN Pu Sam Cáp         | 13 năm 8 tháng                                                                        | 3,34                 |                                         | Đại học                                          | Trung cấp                  | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III      | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng anh trình độ TOEF LIPT | Sáng kiến “Một số giải pháp nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giảng dạy trong trường Mầm non Pu Sam Cáp huyện Sin Hồ tỉnh Lai Châu”. Quyết định số: 1148/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến.<br><br>Sáng kiến: “Một số giải pháp nâng cao kỹ năng sống cho trẻ lớp ghép 2-3 tuổi Bàn Hồ Sĩ Pán trường Mầm Non Pu Sam Cáp, Xã Pu Sam Cáp, Tỉnh Lai Châu” Được công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng tại quyết định số 211 QĐ-UBND ngày 25/5/2026 của UBND xã Pu Sam cáp |           |           |                       |         |
| 25 | Lường Thị Cường    | 06-10-1990          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Pu Sam Cáp         | 11 năm 11 tháng                                                                       | 3,03                 | V.07.02.26                              | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III+II   | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh CEFR LEVEL A2      | Sáng kiến: “Một số giải pháp nâng cao hoạt động khám phá khoa học theo hướng trải nghiệm nhằm phát huy tính tích cực cho trẻ lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi bán Nà Phán trường Mầm Non Pu Sam Cáp” được công nhận tại Quyết định số 790 /QĐ-UBND ngày 07/06/2024 của UBND Huyện sin Hồ, sáng kiến được công nhận áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở tại Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 07/06/2024 của UBND Huyện Sin Hồ                                                                                                                                                                                |           |           |                       |         |
| 26 | Bùi Thị Thúy Hường | 17/12/1993          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Pu Sam Cáp         | 10 năm 11 tháng                                                                       | 3,03                 | V.07.02.26                              | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III + II | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh CEFR LEVEL A2      | Sáng Kiến“Một số giải pháp nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giảng dạy trong trường Mầm non Pu Sam Cáp huyện Sin Hồ tỉnh Lai Châu”.<br>Quyết định số: 1148/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện Sin Hồ về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |           |                       |         |
| 27 | Lò Thị Nguyên      | 23/9/1993           |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Pu Sam Cáp         | 8 năm 10 tháng                                                                        | 2,41                 | V.07.02.26                              | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III      | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng anh trình độ A         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |           |           |                       |         |

| TT | Họ và tên     | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                 |                             |                               | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Được miễn |           | Ngoại ngữ đăng ký xét | Ghi chú |
|----|---------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |               |                     |     |    |                                 |                              |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                    | Trình độ tin học            | Trình độ ngoại ngữ            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| 28 | Tao Thị Diễm  | 06-09-1993          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Pu Sam Cáp         | 9 năm 9 tháng                                                                         | 3,03                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN hạng III | Tin học ứng dụng Trình độ A | Chứng chỉ Tiếng Anh A2 (CEFR) | sáng kiến: ""Một số biện pháp giúp trẻ 5 tuổi học tốt môn làm quen với chữ cái đạt kết quả cao" tại lớp ghép 4 + 5 tuổi – Bàn Nà Phán Lĩnh vực áp dụng sáng kiến đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng: Chuyên môn giảng dạy, được công nhận áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở tại Quyết định số 790/QĐ- UBND ngày 07/06/2024 của UBND Huyện Sìn Hồ, Sáng kiến: "Một số biện pháp nâng cao việc chuẩn bị tâm thế cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp 1" tại lớp ghép 4 - 5 tuổi bản Nậm Béo trường Mầm Non Pu Sam Cáp" được công nhận tại Quyết định quyết định 639/ QĐ-UBND ngày 26/5/2025 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng sáng kiến trên địa bàn huyện Sìn Hồ đợt 01 năm 2025. Huyện sìn Hồ, sáng kiến ;" "Một số giải pháp phát huy tính tích cực, sáng tạo thông qua hoạt động tạo hình cho trẻ ở lớp ghép 2 -3 tuổi, bản Nậm Béo - Trường mầm non Pu Sam Cáp, xã Pu Sam Cáp, Tỉnh Lai Châu"được công nhận tại quyết định số 211/QĐ- UBND Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026 |           |           |                       |         |
| 29 | Tòng Thị Thuý | 02-12-1996          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Pu Sam Cáp         | 7 năm 6 tháng                                                                         | 2,41                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN          | Tin học ứng dụng trình độ B | Tiếng anh: TOEF LIPT          | Sáng kiến kinh nghiệm: "Một số biện pháp nâng cao tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc theo tiếp cận đa văn hóa tại lớp mẫu giáo ghép 2-3 tuổi bản Hồ Sĩ Pán trường Mầm non Pu Sam Cáp" được công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng tại quyết định số 639 QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND huyện Sìn Hồ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |           |                       |         |
| 30 | Ngô Thị Duyên | 02-02-1994          |     | x  | Giáo viên                       | Trường MN Pu Sam Cáp         | 9 năm 9 tháng                                                                         | 2,72                 | V.07.02.26                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVMN          | Tin học ứng dụng trình độ B | Tiếng anh trình độ A          | Sáng kiến kinh nghiệm: "Một số biện pháp nâng cao hoạt động trải nghiệm cho trẻ theo hướng lấy trẻ làm trung tâm tại lớp ghép 2-5 tuổi trung tâm trường mầm non Pu Sam Cáp" được công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng tại quyết định số 211 QĐ-UBND ngày 25/5/2026 của UBND xã Pu Sam cáp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |           |                       |         |

**PHỤ LỤC**  
**Danh sách giáo viên Tiểu học đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2026**  
*(Kèm theo Thông báo số: 01/TB-HĐXTH ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng xét thăng hạng viên chức xã Pu Sam Cáp)*

| TT | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                 |                                     |                              | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Được miễn |           | Ngoại ngữ đăng ký xét | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |                    |                     |     |    |                                 |                              |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                    | Trình độ tin học                    | Trình độ ngoại ngữ           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| -1 | -2                 | -3                  | -4  | -5 | -6                              | -7                           | -8                                                                                    | -9                   | -10                                  | -11                                              | -12                        | -13                                             | -14                                 | -15                          | -16                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | -17       | -18       | -19                   | -20     |
| 1  | Nguyễn Tuấn Minh   | 24/05/1983          | x   |    | Phó Hiệu trưởng                 | Trường TH Noong Hèo          |                                                                                       | 4,32                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          | Trung cấp                  | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ A2        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |           |                       |         |
| 2  | Đinh Thị Thon      | 28/08/1978          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 23 năm 9 tháng                                                                        | 4,65                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Tin học Ứng dụng trình độ B         | Tiếng Anh trình độ B         | Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 790/QĐ-UBND huyện Sin Hồ ngày 7/6/2024. " Rèn kĩ năng viết văn tả cảnh cho học sinh lớp 5A1 trường Tiểu học Noong Hèo, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu."                                                                         |           |           |                       |         |
| 3  | Đào Thị Trại       | 22/08/1987          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          |                                                                                       | 3,99                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ A2        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |           |                       |         |
| 4  | Nguyễn Thị Sinh    | 23/06/1988          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 17 năm 10 tháng                                                                       | 3,99                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng II  | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ C         | Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND xã Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026. " Sử dụng sơ đồ tư duy nhằm phát triển kỹ năng viết văn cho học sinh lớp 5A3, 5A1 trường Tiểu học Noong Hèo, xã Pu Sam Cáp, tỉnh Lai Châu.."                                       |           |           |                       |         |
| 5  | Nguyễn Văn Tuấn    | 23/06/1983          | x   |    | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 19 năm 10 tháng                                                                       | 3,66                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ B         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |           |                       |         |
| 6  | Hoàng Thị Thùy Anh | 29/01/1991          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 12 năm 6 tháng                                                                        | 3,66                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Tin học Ứng dụng trình độ B         | Tiếng Anh trình độ B         | Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND xã Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026. " Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học nhằm nâng cao hứng thú và chất lượng môn Toán cho học sinh lớp 3A1 và 3A4, trường Tiểu học Noong Hèo, xã Pu Sam Cáp, tỉnh Lai Châu" |           |           |                       |         |
| 7  | Nguyễn Văn Thanh   | 29/09/1992          | x   |    | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 13 năm 1 tháng                                                                        | 3                    | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Tin học Ứng dụng trình độ B         | Tiếng Anh trình độ TOEF LITP |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |           |                       |         |
| 8  | Đặng Thị Thu Hằng  | 01/09/980           |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 20 năm 2 tháng                                                                        | 3,99                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng II  | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ B         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |           |                       |         |

| TT | Họ và tên      | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                      |                                     |                      | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Được miễn |           | Ngoại ngữ đáng ký xét | Ghi chú |
|----|----------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |                |                     |     |    |                                 |                              |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                         | Trình độ tin học                    | Trình độ ngoại ngữ   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| 9  | Tòng Văn Thanh | 07-01-1978          | x   |    | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 23 năm 4 tháng                                                                        | 4,32                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III      | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ B |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |           |                       |         |
| 10 | Ma Thị Loan    | 18/09/1974          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 21 năm 10 tháng                                                                       | 3,99                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III      | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ B |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |           |                       |         |
| 11 | Trần Thị Nhung | 10-07-1987          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 15 năm 2 tháng                                                                        | 3,66                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III      | Tin học Ứng dụng trình độ B         | Tiếng Anh trình độ B | Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND xã Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026. “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 tại trường Tiểu học Noong Hèo, xã Pu Sam Cáp, tỉnh Lai Châu. Năm học 2025 – 2026”.                               |           |           |                       |         |
| 12 | Hoàng Thị Năm  | 07-05-1984          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 19 năm 1 tháng                                                                        | 3,66                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III      | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ B |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |           |                       |         |
| 13 | Hà Công Tiến   | 14/12/1979          | x   |    | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 20 năm 4 tháng                                                                        | 3,99                 | V.07.03.29                           | Cử nhân                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III      | chứng chỉ B                         | Tiếng Anh trình độ B |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |           |                       |         |
| 14 | Nông Thị Hoè   | 20/02/1993          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 9 năm 3 tháng                                                                         | 3,33                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng II       | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ B |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |           |                       |         |
| 15 | Bùi Thị Kiệm   | 20/07/1989          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 14 năm 2 tháng                                                                        | 3,33                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III      | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ B |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |           |                       |         |
| 16 | Bùi Mạnh Hùng  | 01-11-1995          | x   |    | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 9 năm 3 tháng                                                                         | 3,33                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III + II | Chứng chỉ B                         | Tiếng Anh trình độ B | Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND xã Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026. “Một số giải pháp rèn kỹ năng viết văn miêu tả con vật cho học sinh lớp 4A2 và lớp 4A3 trường Tiểu học Noong Hèo theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018, năm học 2025 – 2026”. |           |           |                       |         |
| 17 | Phan Thị Xuân  | 05-05-1987          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 9 năm 3 tháng                                                                         | 3,00                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III      | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ B | Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND xã Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026. " Một số biện pháp phát triển tư duy cho học sinh thông qua dạy học khai thác bài toán số học cho học sinh lớp 4A1 trường Tiểu học Noong Hèo, xã Pu Sam Cáp, tỉnh Lai Châu. "     |           |           |                       |         |

| TT | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                 |                                     |                              | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Được miễn |           | Ngoại ngữ đáng ký xét | Ghi chú |
|----|-------------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |                   |                     |     |    |                                 |                              |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                    | Trình độ tin học                    | Trình độ ngoại ngữ           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| 18 | Hứa Thị Thắm      | 06-04-1977          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 11 năm 2 tháng                                                                        | 3,0                  | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ TOEF LITP | Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND xã Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026. “Một số giải pháp rèn kỹ năng viết văn miêu tả con vật cho học sinh lớp 4A2 và lớp 4A3 trường Tiểu học Noong Hèo theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018, năm học 2025 – 2026”.    |           |           |                       |         |
| 19 | Phạm Kim Phong    | 03-08-1990          | x   |    | Giáo viên                       | Trường TH Noong Hèo          | 12 năm 7 tháng                                                                        | 3,66                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng II  | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ TOEF LITP | Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND xã Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026. “ Mô hình “3 không – 3 có” trong dạy học Tin học cho lớp 5A1 có tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI)”                                                                                      |           |           |                       |         |
| 20 | Hoàng Thị Minh Hà | 24/03/1980          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Pa Khoá            | 19 năm 7 tháng                                                                        | 3,99                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng II  | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ A2        | Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND xã Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026. "Một số giải pháp giáo dục đạo đức, lối sống thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường Tiểu học Pa Khóa xã Pu Sam Cáp."                                                    |           |           |                       |         |
| 21 | Hoàng Lan Anh     | 28/04/1992          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Pa Khoá            | 13 năm                                                                                | 3,33                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ TOEF LITP |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           |           |                       |         |
| 22 | Nông Thị Hà       | 15/03/1977          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Pa Khoá            | 22 năm 01 tháng                                                                       | 3,99                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ TOEF LITP |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           |           |                       |         |
| 23 | Lý A Pú           | 03/05/1990          | x   |    | Giáo viên                       | Trường TH Pa Khoá            | 13 năm                                                                                | 3,00                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ TOEF LITP | Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND xã Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026. "Một số giải pháp ứng dụng Trí tuệ nhân tạo ( AI) nhằm tạo hứng thú và phát triển năng lực học Toán cho học sinh lớp 5A2, 5A3 trường Tiểu học Pa Khóa xã Pu Sam Cáp, tỉnh Lai Châu." |           |           |                       |         |
| 24 | Ngô Thị Duyên     | 05-10-1980          |     | x  | Giáo viên                       | Trường TH Pa Khoá            | 13 năm                                                                                | 3,00                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Anh trình độ TOEF LITP | Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND xã Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026. "Sử dụng công nghệ AI trong dạy học môn Toán nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh lớp 1A1 trường Tiểu học Pa Khóa - Pu Sam Cáp - Lai Châu"                             |           |           |                       |         |

| TT | Họ và tên   | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc              | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                 |                                         |                       | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Được miễn |           | Ngoại ngữ đăng ký xét | Ghi chú |
|----|-------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |             |                     |     |    |                                 |                                           |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                    | Trình độ tin học                        | Trình độ ngoại ngữ    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| 25 | Lê Thị Oanh | 15/7/1978           |     | x  | Giáo viên                       | Trường PTDTBT tiểu học và THCS Pu Sam Cáp | 22 năm 3 tháng                                                                        | 4,32                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng II  | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản     | Tiếng anh trình độ A2 | Quyết định Về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ (đợt 1) năm 2025 tại Quyết định số: 639/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND huyện Sin Hồ. Một số giải pháp rèn phát triển kĩ năng đọc đúng trong giờ học Tiếng Việt cho học sinh vùng khó lớp 1B trường PTDTBT Tiểu học và THCS Pu Sam Cáp, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu và Quyết định về việc công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến tại Quyết định số: 211/QĐ-UBND xã Pu Sam Cáp ngày 25/5/2026. Một số biện pháp rèn kỹ năng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 1C tại trườngPTDTBT TH và THCS Pu Sam Cáp tỉnh Lai Châu." |           |           |                       |         |
| 26 | Hồ Hữu Bằng | 05-05-1984          |     | x  | Tổ trưởng chuyên môn            | Trường PTDTBT tiểu học và THCS Pu Sam Cáp | 9 năm 3 tháng                                                                         | 2,67                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III | Ứng dụng công nghệ thông tin trình độ B | Tiếng anh trình độ B  | QĐ số: 348/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ ( đợt 1) năm 2021. QĐ số: 1148/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ ( đợt 1) năm 2022. QĐ số: 211/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 về việc công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến cơ sở năm 2026.                                                                                                                                                                                                                                               |           |           |                       |         |

| TT | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc              | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                     |                       | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Được miễn |           | Ngoại ngữ đáng ký xét | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |                    |                     |     |    |                                 |                                           |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Trình độ tin học                    | Trình độ ngoại ngữ    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| 27 | Trần Minh Thắng    | 19/10/1974          | x   |    | Tổ trưởng chuyên môn            | Trường PTDTBT tiểu học và THCS Pu Sam Cáp | 22 năm 3 tháng                                                                        | 4,32                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          | Chưa                       | Bằng cử nhân ngành đào tạo giáo viên tiểu học.<br>Giáo viên tiểu học hạng III (Mã số V.07.03.29)<br>Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III<br>Phẩm chất nhà giáo: Đạo đức nghề nghiệp, lối sống lành mạnh và ý thức trách nhiệm.<br>Phát triển chuyên môn: Nắm vững kiến thức các môn học, hiểu tâm lý học sinh và phương pháp giảng dạy tích cực.<br>Năng lực quản lý và phát triển năng lực học sinh: Có khả năng tổ chức hoạt động dạy | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng Mông            | QĐ số: 348/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ ( đợt 1) năm 2021.<br>QĐ số: 1148/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ ( đợt 1) năm 2022.<br>QĐ số: 639/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ ( đợt 1) năm 2025.<br>QĐ số: 211/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 về việc công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến cơ sở năm 2026. |           |           |                       |         |
| 28 | Phạm Thị Hồng Thuý | 03-04-1986          |     | x  | Giáo viên                       | Trường PTDTBT tiểu học và THCS Pu Sam Cáp | 17 năm 6 tháng                                                                        | 3,66                 | V.07.03.29                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ BD theo tiêu chuẩn CDNN GVTH hạng III                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Tiếng anh trình độ A2 | QĐ số: 348/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ ( đợt 1) năm 2021. QĐ số: 1148/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ ( đợt 1) năm 2022. QĐ số: 639/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả của sáng kiến trên địa bàn huyện Sin Hồ ( đợt 1) năm 2025. QĐ số: 211/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 về việc công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến cơ sở năm 2026.          |           |           |                       |         |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                              |                  |                    | Có đề án, công trình | Được miễn |           | Ngoại ngữ đăng ký xét | Ghi chú |
|----|-----------|---------------------|-----|----|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|----------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |           |                     |     |    |                                 |                              |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ |                      | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |

**PHỤ LỤC**  
**Danh sách giáo viên THCS đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2026**  
*(Kèm theo Thông báo số: 01/TB-HĐXTH ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng xét thăng hạng viên chức xã Pu Sam Cáp)*

| TT | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                 |                      |                                                       | Có đề án, công trình                                                                                                                                                                                                                                  | Được miễn |           | Ngoại ngữ đăng ký xét | Ghi chú |
|----|----------------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------|---------|
|    |                      |                     |     |    |                                 |                              |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                    | Trình độ tin học     | Trình độ ngoại ngữ                                    |                                                                                                                                                                                                                                                       | Tin học   | Ngoại ngữ |                       |         |
| -1 | -2                   | -3                  | -4  | -5 | -6                              | -7                           | -8                                                                                    | -9                   | -10                                  | -11                                              | -12                        | -13                                             | -14                  | -15                                                   | -16                                                                                                                                                                                                                                                   | -17       | -18       | -19                   | -20     |
| 1  | Lê Ngọc Cường        | 23/07/1981          | x   |    | Hiệu trưởng                     | Trường THCS Pa Khóa          | 18 năm                                                                                | 3,99                 | V.07.04.32                           | Đại học                                          | Trung cấp                  | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng II | Ứng dụng CNTT cơ bản | Bậc 2 TOEFLI TPĐiểm 387 Công ty cổ phần IIG Việt Nam  | SKKN “Một số kinh nghiệm về duy trì sĩ số và nâng cao tỉ lệ chuyên cần trong công tác quản lý của Hiệu trưởng ở Trường THCS Pa Khóa - Sin Hồ - Lai Châu” Được công nhận tại Quyết định số 639-QĐ/UBND ngày 26/5/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Sin Hồ |           |           |                       |         |
| 2  | Dương Thị Thương     | 20/03/1985          |     | x  | Giáo viên                       | Trường THCS Pa Khóa          | 14 năm 07 tháng                                                                       | 3,66                 | V.07.04.32                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng II | Ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Anh (Công ty Cổ phần IIG Việt Nam)              | SKKN “Một số cách thức hướng dẫn học sinh ôn tập hiệu quả môn Ngữ văn 9 ở Trường THCS Pa Khóa - Sin Hồ - Lai Châu” Được công nhận tại Quyết định số 384-QĐ/UBND ngày 24/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Sin Hồ.                                      |           |           |                       |         |
| 3  | Cao Thị Thịnh        | 10-05-1985          |     | x  | Giáo viên                       | Trường THCS Pa Khóa          | 14 năm                                                                                | 3,66                 | V.07.04.32                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng II | Ứng dụng CNTT cơ bản | Bậc 2 TOEFLI TP Điểm 437 Công ty cổ phần IIG Việt Nam | SKKN “Một số kinh nghiệm giải bài tập định lượng môn Hóa ở Trường THCS Pa Khóa - Sin Hồ - Lai Châu” Được công nhận tại Quyết định số 560a/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Sin Hồ                                                     |           |           |                       |         |
| 4  | Phạm Thanh Trường    | 01-12-1986          | x   |    | Giáo viên                       | Trường THCS Noong Hèo        | 10 năm                                                                                | 3,99                 | V.07.04.32                           | Đại học                                          | Trung cấp                  | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng II | Ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Anh trình độ A                                  |                                                                                                                                                                                                                                                       |           |           |                       |         |
| 5  | Nguyễn Thị Kim Tuyền | 20/12/1987          |     | x  | Giáo viên                       | Trường THCS Noong Hèo        | 15 năm                                                                                | 3,99                 | V.07.04.32                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng II | Ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Anh trình độ A2                                 |                                                                                                                                                                                                                                                       |           |           |                       |         |
| 6  | Nguyễn Thị Thanh     | 24/08/1986          |     | x  | Giáo viên                       | Trường THCS Noong Hèo        | 15 năm 9 tháng                                                                        | 3,99                 | V.07.04.32                           | Đại học                                          |                            | dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng II               | Ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Anh trình độ TOEFL                              |                                                                                                                                                                                                                                                       |           |           |                       |         |
| 7  | Nguyễn Thị Tô Hoài   | 15/10/1979          |     | x  | Giáo viên                       | Trường THCS Noong Hèo        | 19 năm 1 tháng                                                                        | 3,99                 | V.07.04.32                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng II | Ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Anh trình độ B                                  |                                                                                                                                                                                                                                                       |           |           |                       |         |
| 8  | Trịnh Văn Quang      | 12-10-1986          | x   |    | Giáo viên                       | Trường THCS Noong Hèo        | 16 năm 9 tháng                                                                        | 3,99                 | V.07.04.32                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng II | Ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Anh trình độ B                                  | Được công nhận Sáng kiến: Một số phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử trong môn Toán 8 tại trường THCS Số 1 Noong Hèo tại QĐ Số 423 QĐ-UBND ngày 24/6/2014                                                                                     |           |           |                       |         |
| 9  | Trần Văn Công        | 20/07/1980          | x   |    | Giáo viên                       | Trường THCS Noong Hèo        | 22 năm 8 tháng                                                                        | 4,65                 | V.07.04.32                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng II | Ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Anh trình độ B                                  |                                                                                                                                                                                                                                                       |           |           |                       |         |

| TT | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Nam | Nữ | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc              | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng |                                      | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét |                            |                                                 |                                         |                      |                                                                                                                                                                                 | Có đề án, công trình | Được miễn |  | Ngoại ngữ đăng ký xét | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------|-----|----|---------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|--|-----------------------|---------|
|    |                    |                     |     |    |                                 |                                           |                                                                                       | Hệ số lương          | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn                              | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp                    | Trình độ tin học                        | Trình độ ngoại ngữ   | Tin học                                                                                                                                                                         |                      | Ngoại ngữ |  |                       |         |
| 10 | Lò Thị Minh Nguyễn | 12-12-1983          |     | x  | Giáo viên                       | Trường PTDTBT tiểu học và THCS Pu Sam Cáp | 19 năm                                                                                | 3,99                 | V.07.04.32                           | Đại học                                          |                            | Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN giáo viên THCS hạng II | Ứng dụng công nghệ thông tin trình độ B | Tiếng Anh trình độ B | Được công nhận Sáng kiến:Rèn cho học sinh kĩ năng giải 1 số dạng toán về phương trình tích trong môn Toán 8 tại trường THCS Số 1 Noong Hèo tại QĐ Số 146/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 |                      |           |  |                       |         |